

Số: TVHN-278 /DBQG

Hà Nội, ngày 5 tháng 10 năm 2025

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

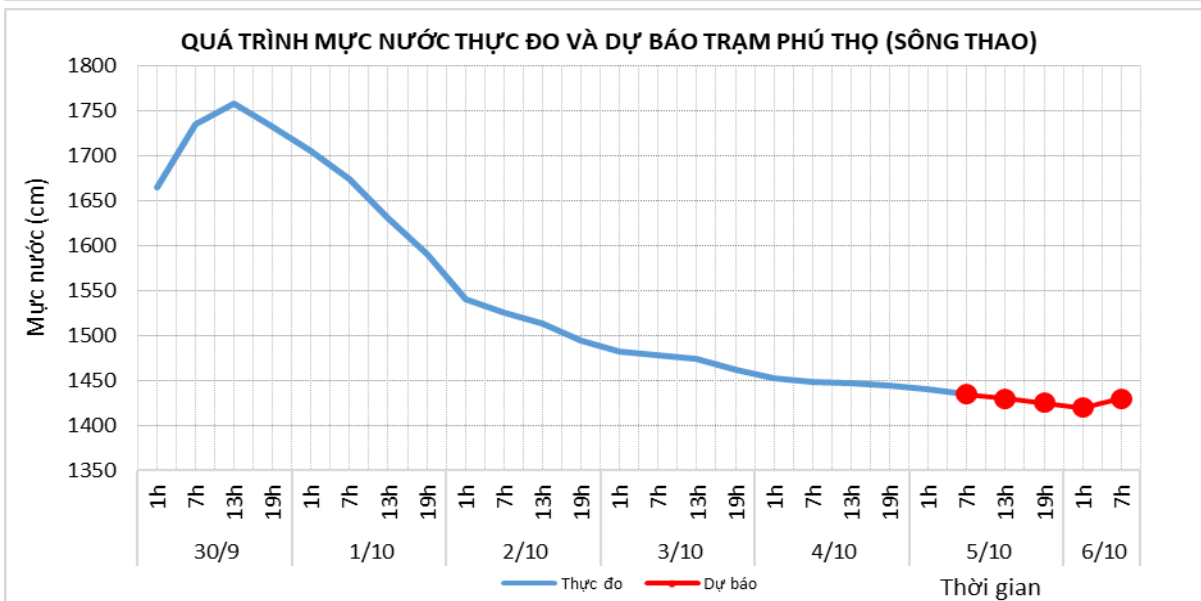
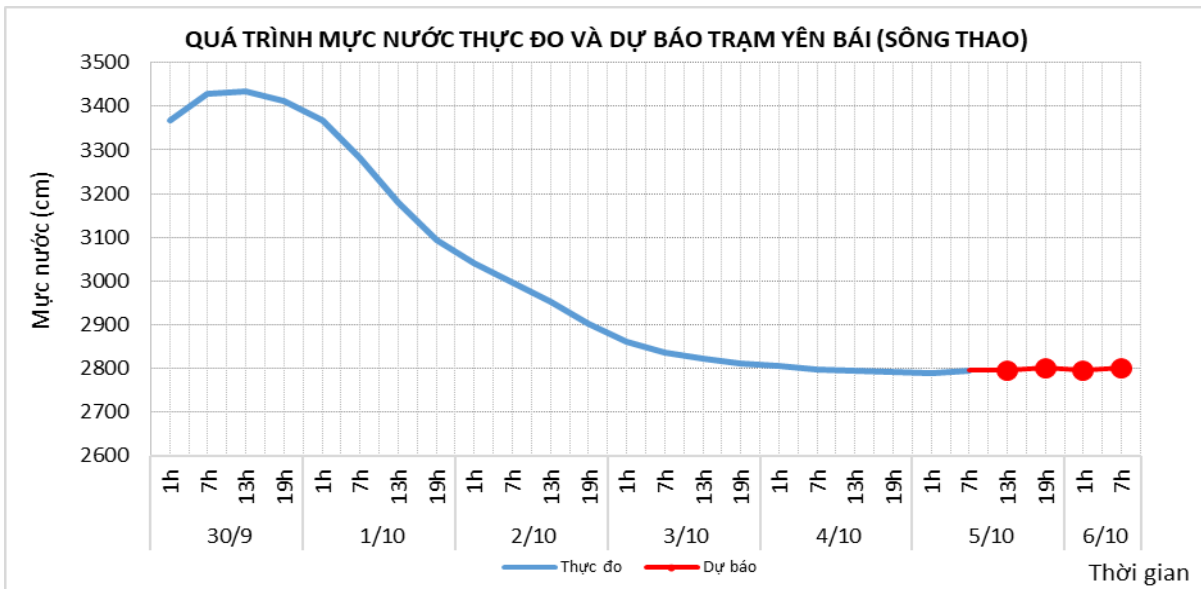
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang biến đổi chậm.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ tiếp tục biến đổi chậm.



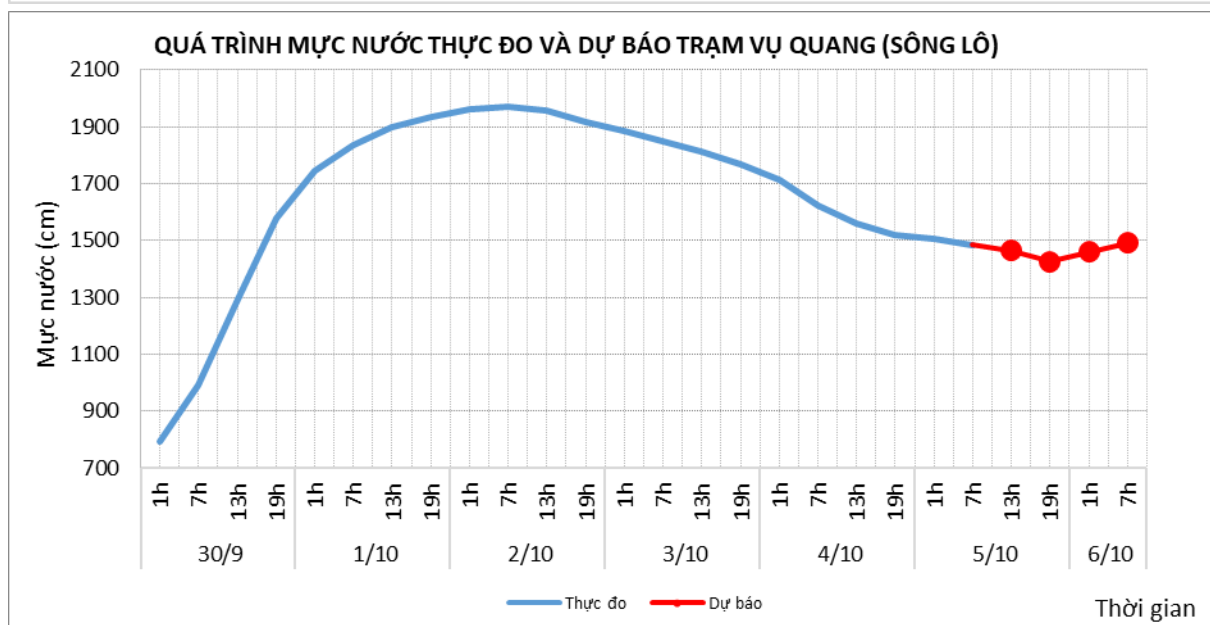
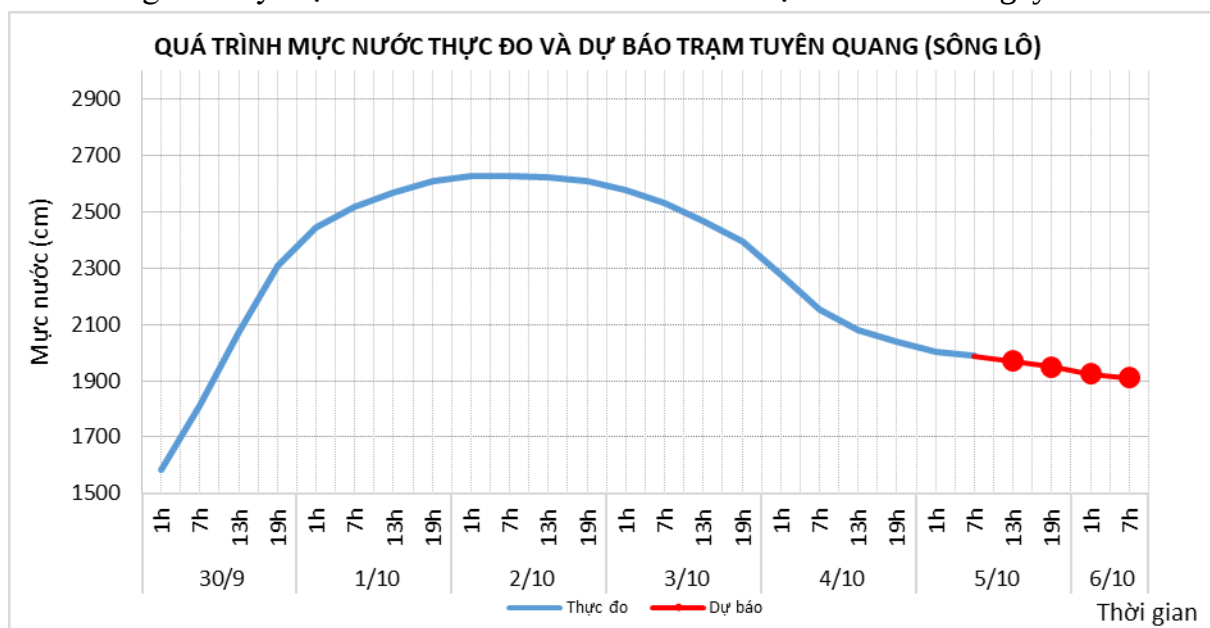
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, Vụ Quang đang xuống. Hồ thủy điện Tuyên Quang mở 3 cửa xả đáy, hồ Thác Bà mở 2 cửa xả mặt.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang tiếp tục xuống chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên, trạm Vụ Quang tiếp tục xuống trong 12h đầu sau sẽ tăng do thủy điện Thác Bà mở thêm 01 cửa xả mặt vào lúc 17h ngày 05/10.



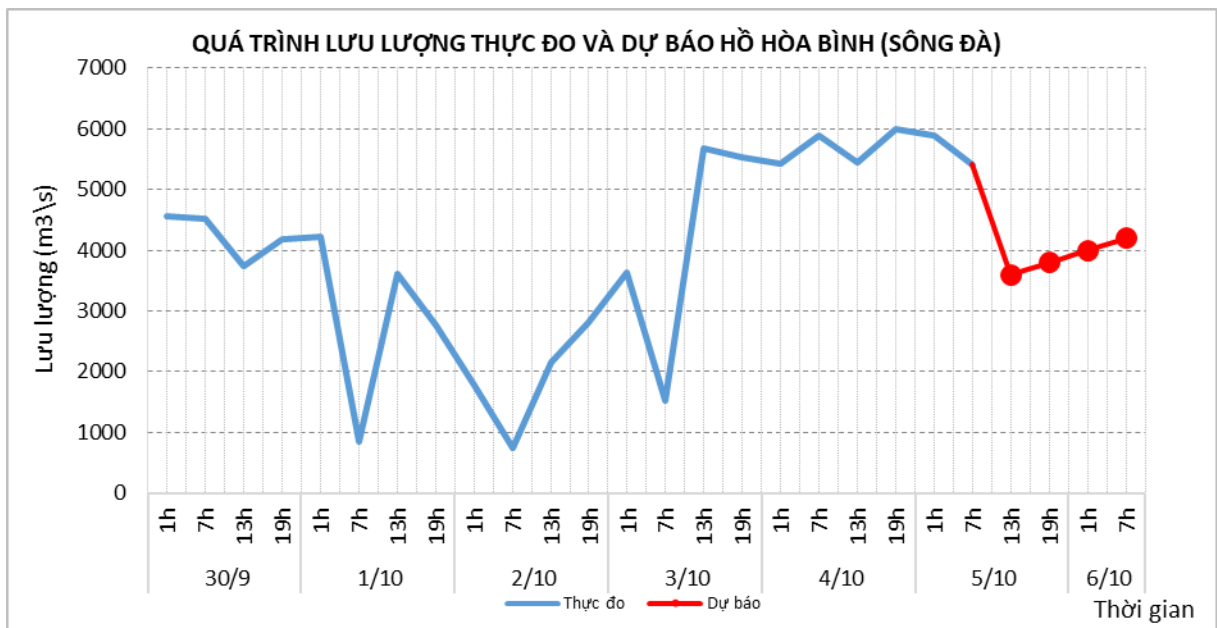
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên theo xu thế giảm do hồ Sơn La đóng một cửa xả đáy vào lúc 6h ngày 5/10.



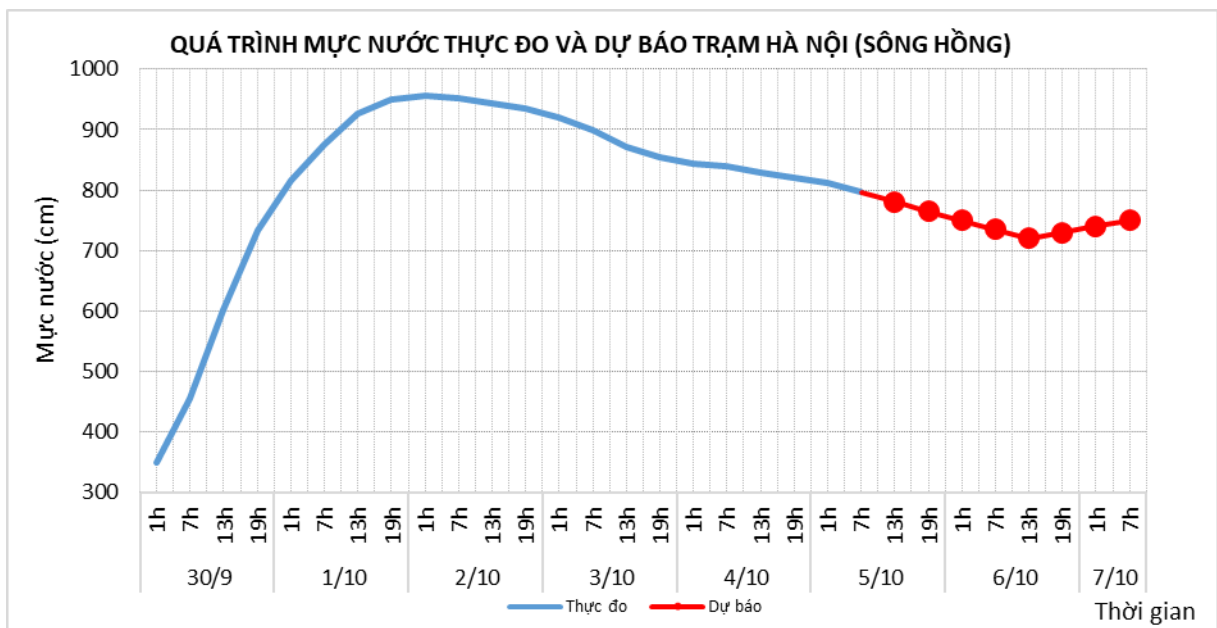
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội đang xuống.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục biến đổi theo xu thế xuống sau đó lên.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

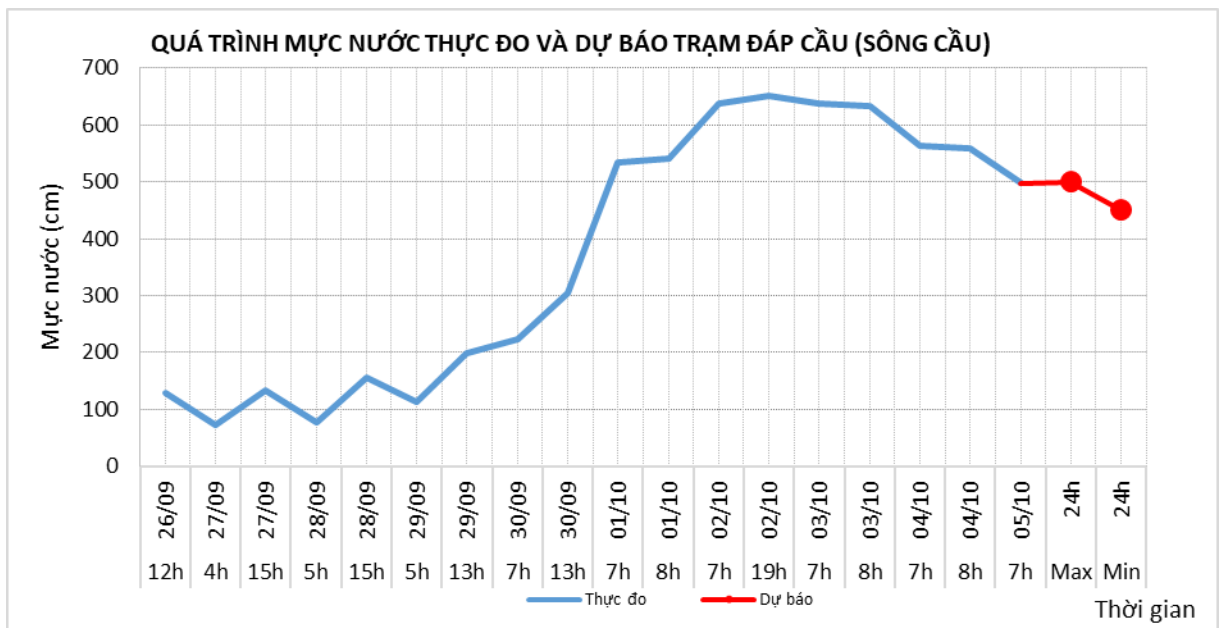
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Cầu đang xuống. Lúc 7h ngày 05/10, mực nước tại Đáp Cầu là 4,98m (trên BĐ2 0,32m).

#### b. Dự báo, cảnh báo

Lũ ở trên sông Cầu tại Đáp Cầu tiếp tục xuống, sau đó có khả năng tăng trong sáng mai.



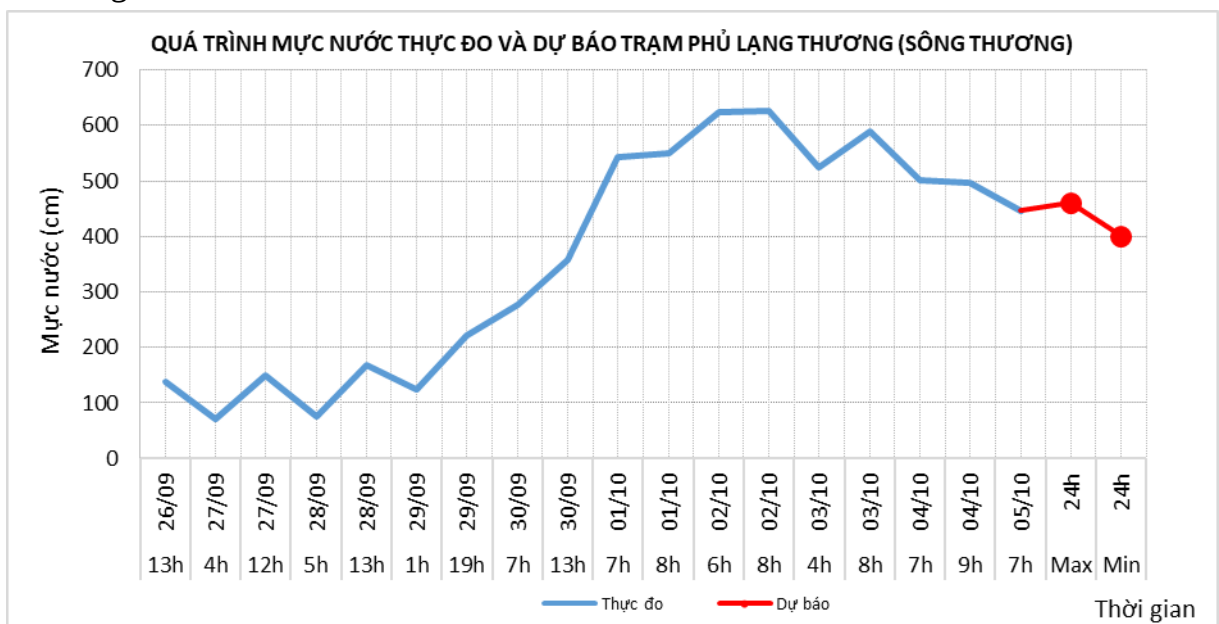
## 2.2. Sông Thương

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương đang xuống. Lúc 7 giờ ngày 05/10, tại trạm Phủ Lạng Thương là 4,46m (trên BĐ1 0,16m).

### b. Dự báo, cảnh báo

Lũ trên sông Thương tại Phủ Lạng Thương tiếp tục xuống, sau đó có khả năng lên lại vào sáng mai.



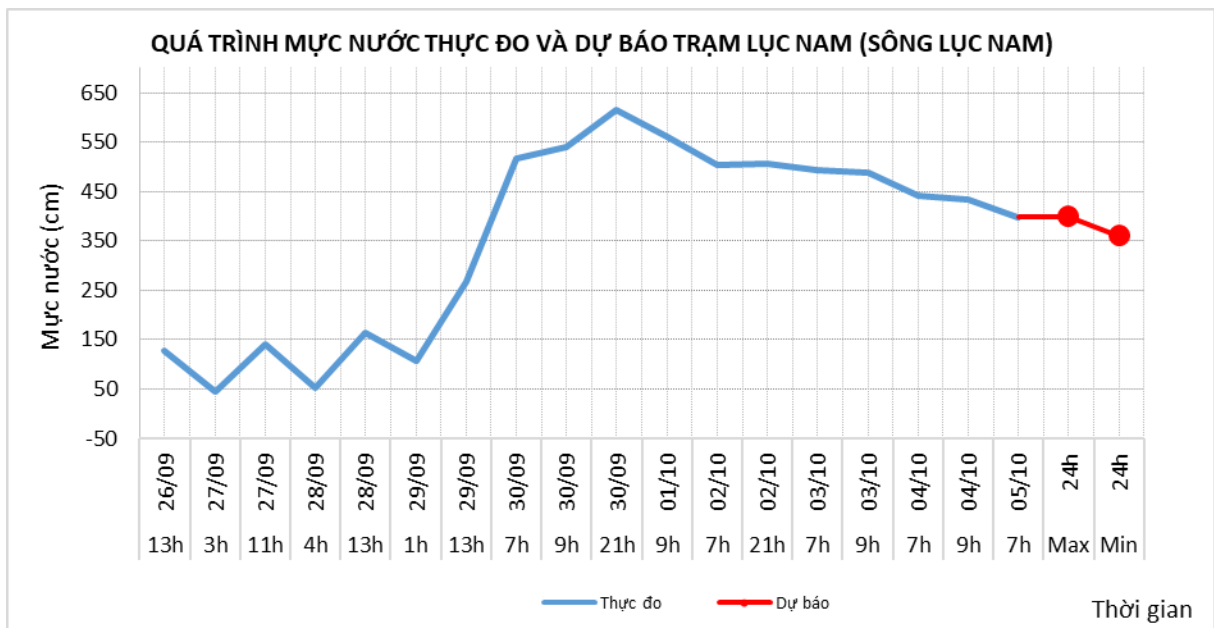
## 2.3. Sông Lục Nam

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Lục Nam tại trạm Lục Nam đang xuống. Lúc 7h ngày 05/10, mực nước tại trạm Lục Nam ở mức 3,98m (dưới BĐ1 0,32m).

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước các trạm trên sông Lục Nam tiếp tục xuống. Dự báo trong 24 giờ tới mực nước tại trạm Lục Nam biến đổi chậm.



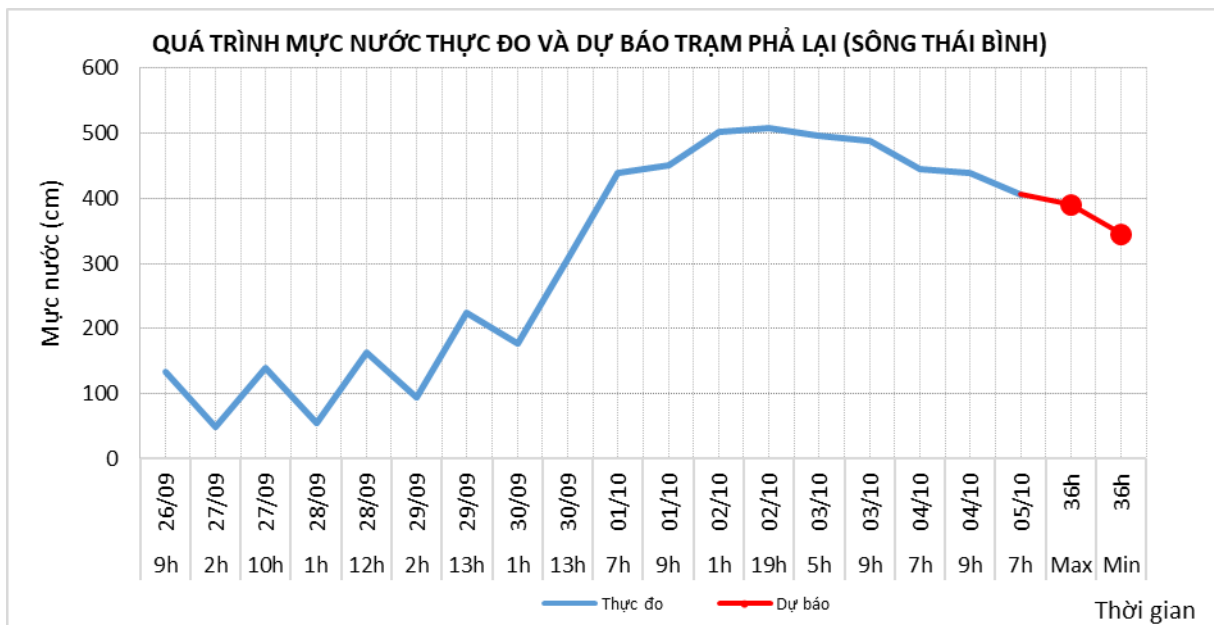
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lũ trên sông Thái Bình đang xuống. Lúc 7h ngày 05/10, mực nước tại Phả Lại là 4,06m (trên BĐ1 0,06m).

### b. Dự báo, cảnh báo

Lũ ở sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục xuống chậm. Trong 36h tới, mực nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 3,90m, thấp nhất là 3,45 m.



**Cảnh báo:** Từ tối nay (05/10) đến 9/10/2025, trên các sông ở khu vực Bắc Bộ, Thanh Hóa có khả năng xuất hiện một đợt lũ, biên độ lũ lên ở thượng lưu các sông từ 4-8m, hạ lưu các sông từ 2-5m. Trong đợt lũ này, đỉnh lũ trên các sông ở tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng; đỉnh lũ trên sông Thao, sông Chảy (Lào Cai), sông Hoàng Long (Ninh Bình), sông Lô (Tuyên Quang), hệ

thống sông Thái Bình (Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hải Phòng) và các sông nhỏ **lên mức BĐ2-BĐ3 và trên BĐ3**; đỉnh lũ đến hồ Hòa Bình, hạ lưu sông Hồng lên mức BĐ1- BĐ2, có nơi trên BĐ2.

3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

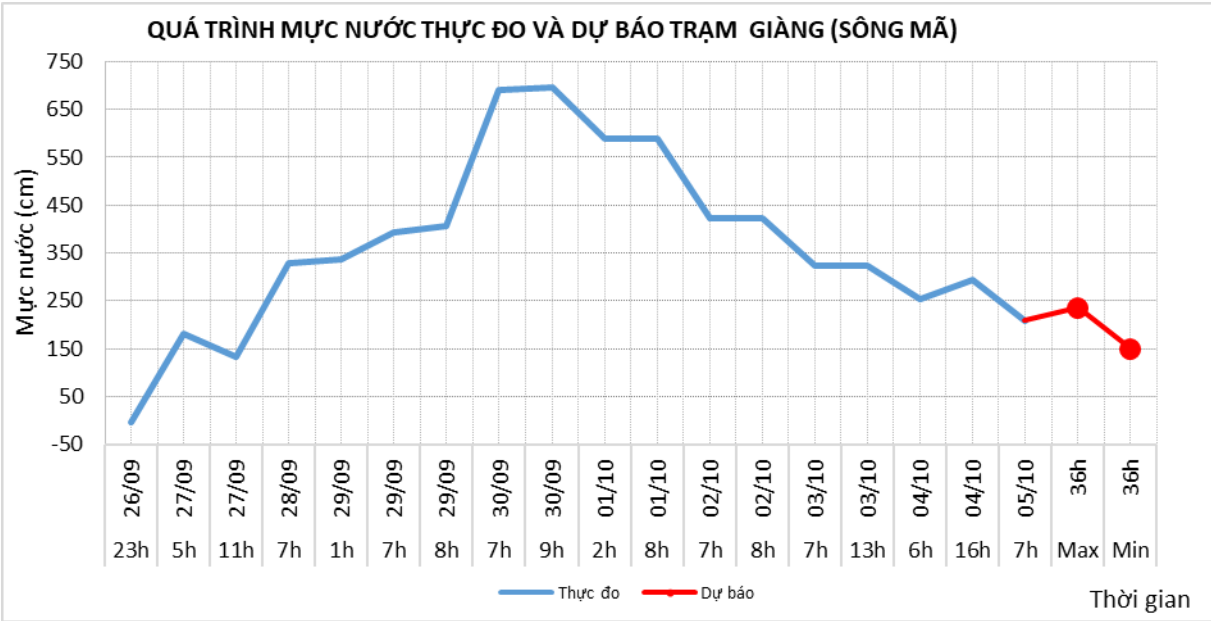
3.1. Sông Mã

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Mã đang xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Mã tiếp tục xuống.



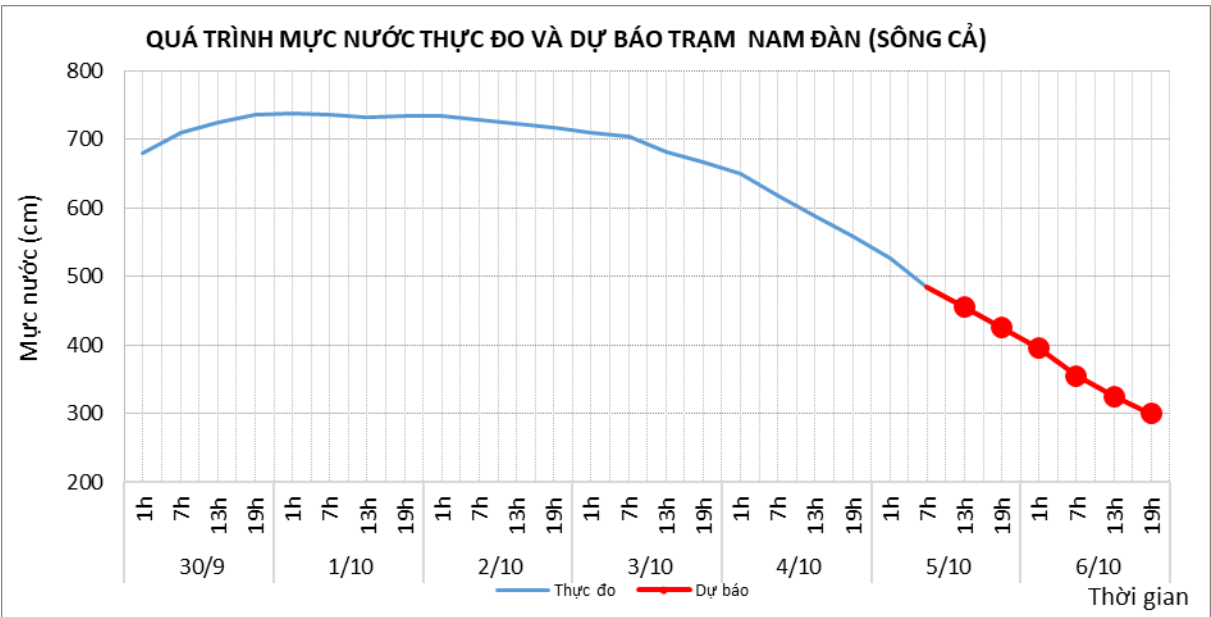
3.2. Sông Cả

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Cả đang xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Cả tiếp tục xuống.



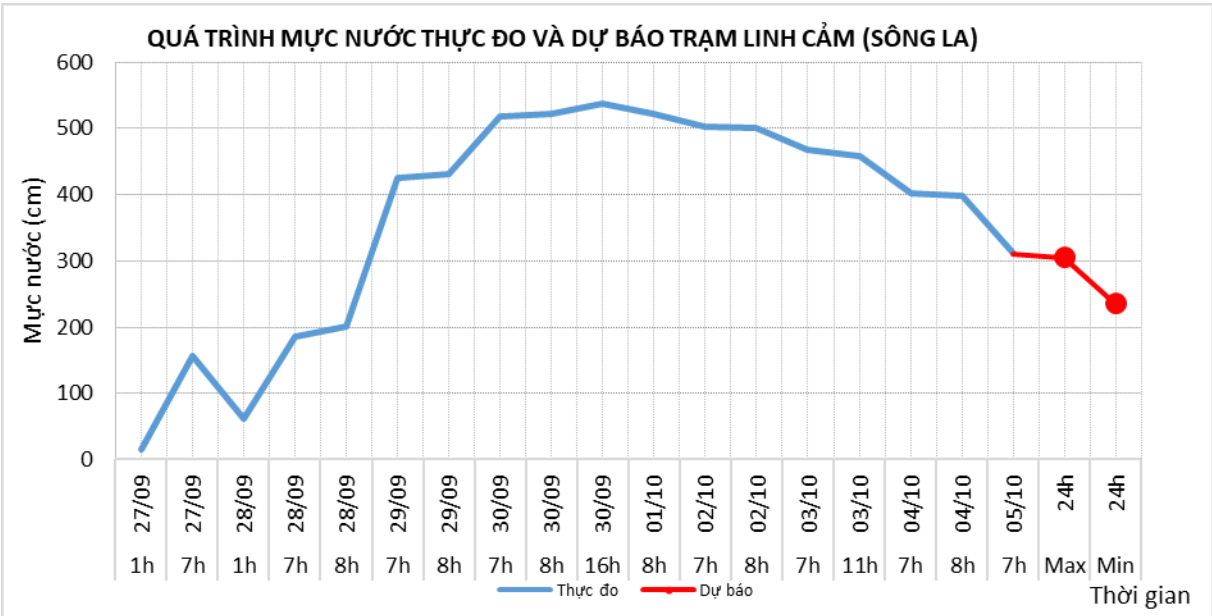
3.3. Sông La

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố, hạ lưu sông La đang xuống.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố, hạ lưu sông la tiếp tục xuống.



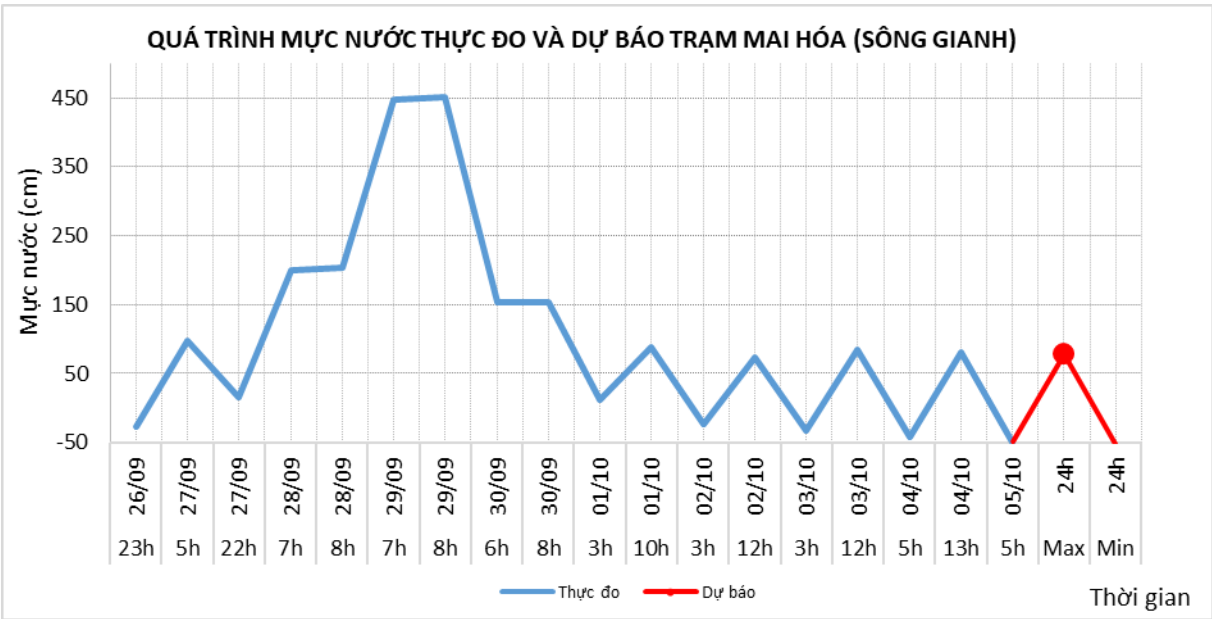
3.4. Sông Gianh

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu đang xuống, hạ lưu biến đổi theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước thượng lưu biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.



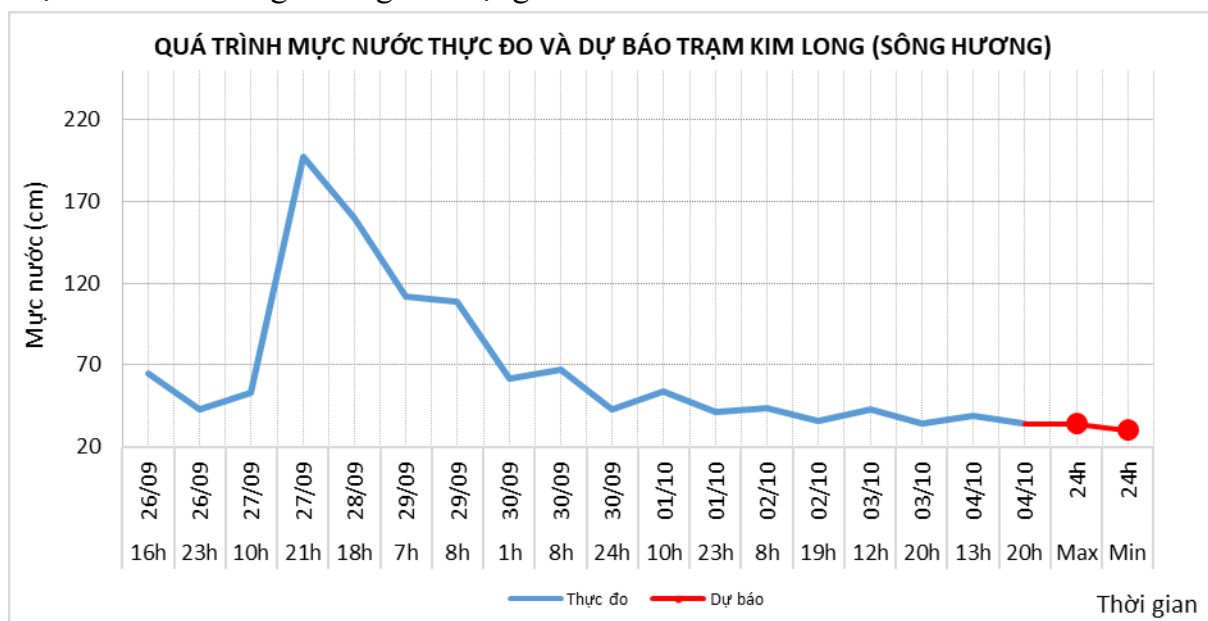
3.5. Sông Hương

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hương dao động theo điều tiết hồ chứa

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước trên sông Hương dao động theo điều tiết hồ chứa



**Cảnh báo:** Từ tối nay (05/10) đến 9/10/2025, trên các sông ở khu vực Thanh Hóa có khả năng xuất hiện một đợt lũ, biên độ lũ lên ở thượng lưu các sông từ 4-8m, hạ lưu các sông từ 2-5m. Trong đợt lũ này, đỉnh lũ sông Bưởi, sông Mã, sông Chu (Thanh Hóa) lên mức BĐ1- BĐ2, có nơi trên BĐ2.

#### **4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ**

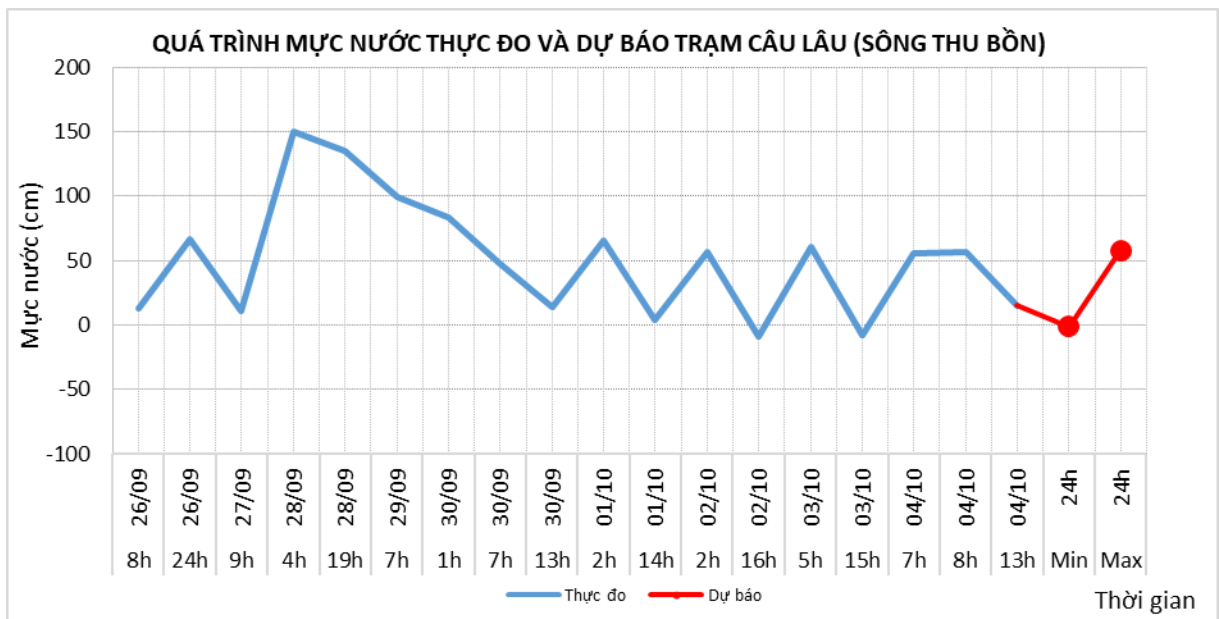
##### **4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn**

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn tiếp tục xuống, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.



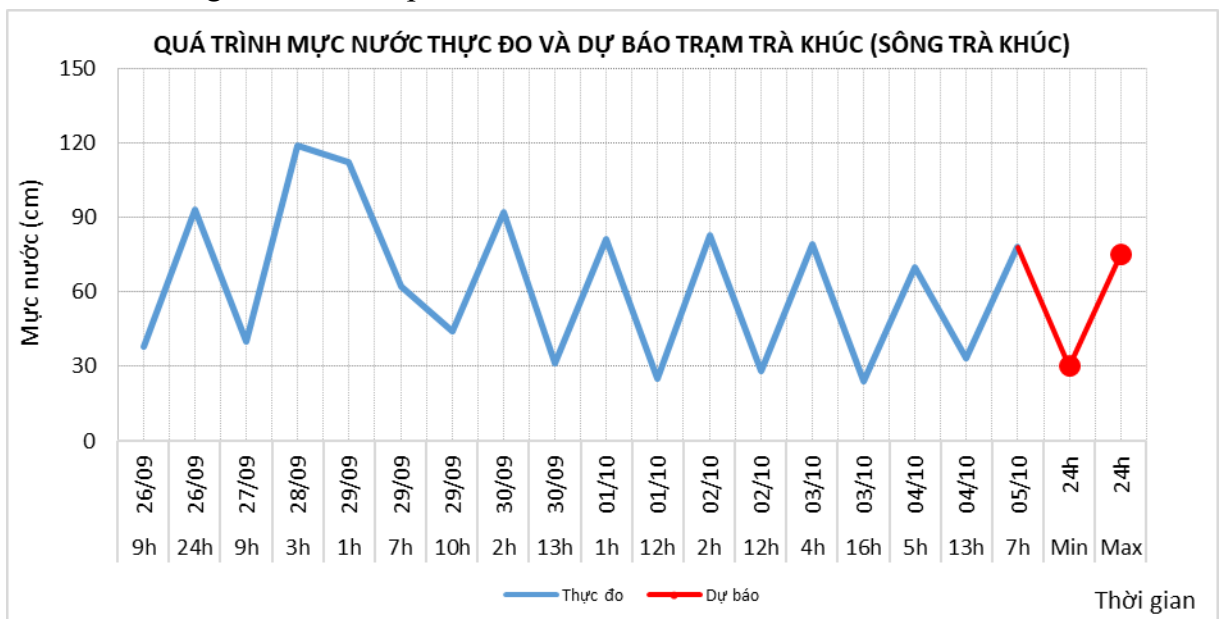
## 4.2. Sông Trà Khúc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Trà Khúc biến đổi chậm

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Trà Khúc tiếp tục biến đổi chậm



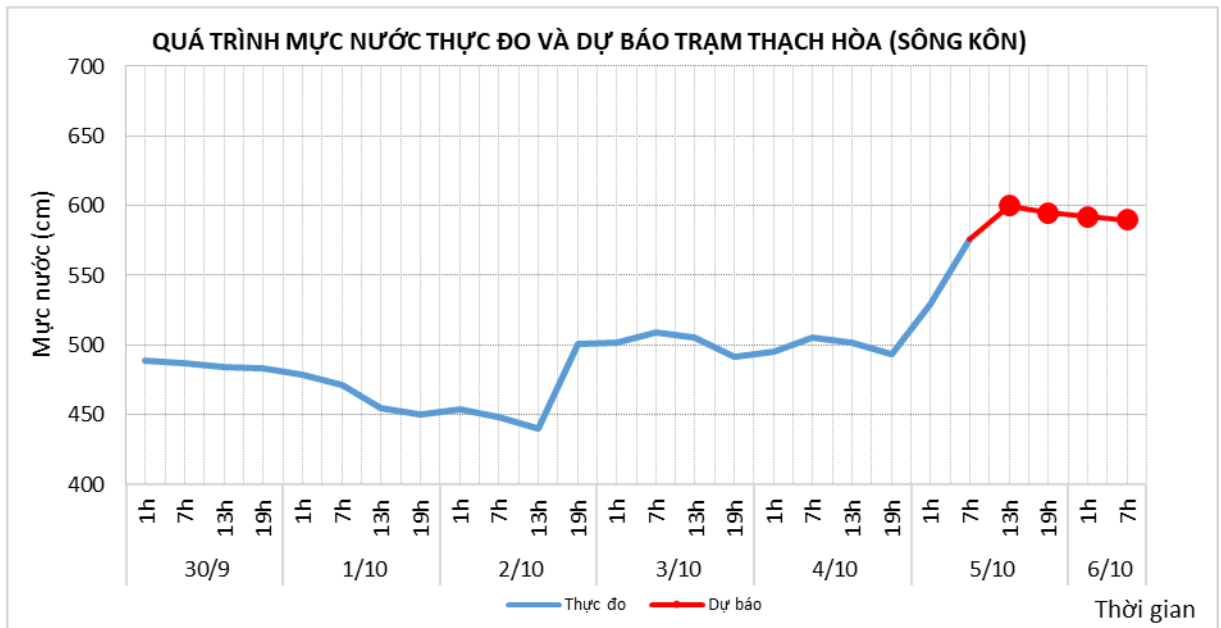
## 4.3. Sông Kôn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa dao động theo điều tiết của đập thủy lợi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa tiếp tục dao động theo điều tiết của đập thủy lợi.



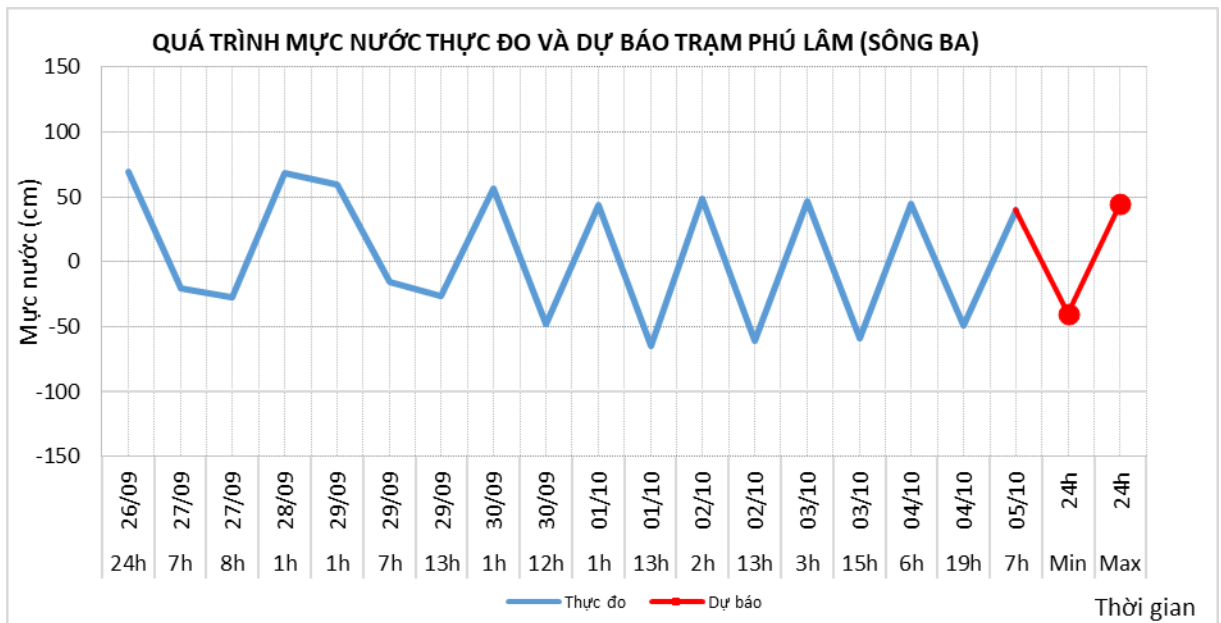
#### 4.4. Sông Ba

##### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu trên sông Ba tại trạm Phú Lâm dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

##### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24 giờ tới, mức nước trên sông Ba tại trạm Phú Lâm dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.



#### 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

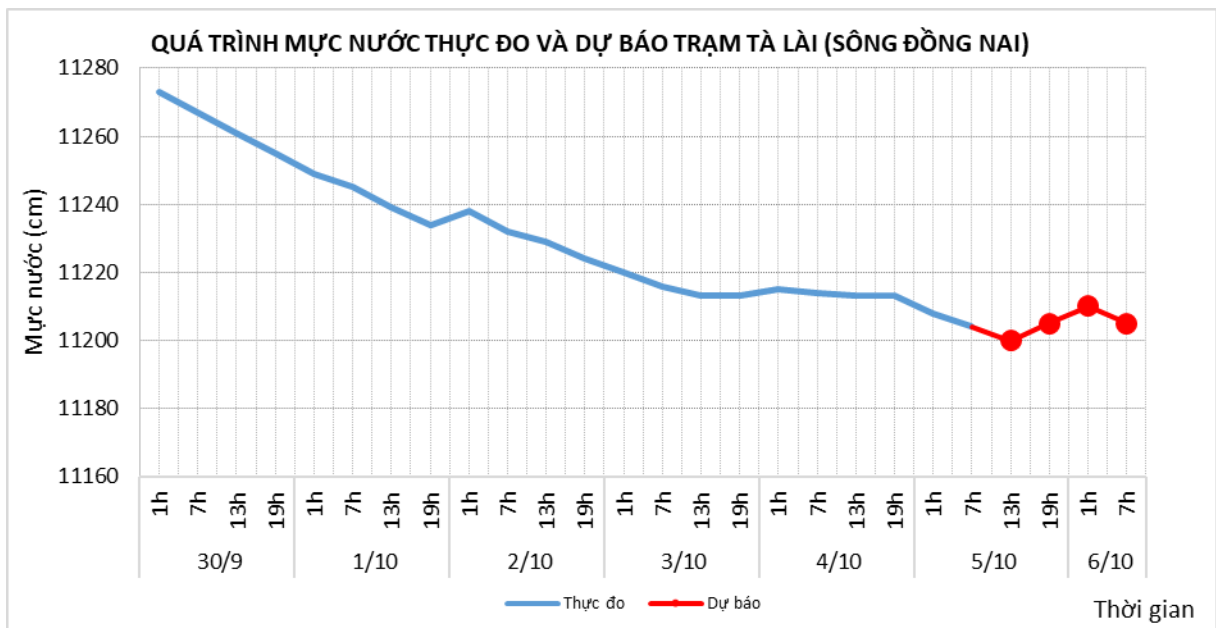
##### 5.1. Sông Đồng Nai

##### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài xuống chậm. Lúc 07h ngày 05/10, mức nước tại Tà Lài 112,04m, trên BĐ1: 0,04m.

##### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài dao động ở mức BĐ1.



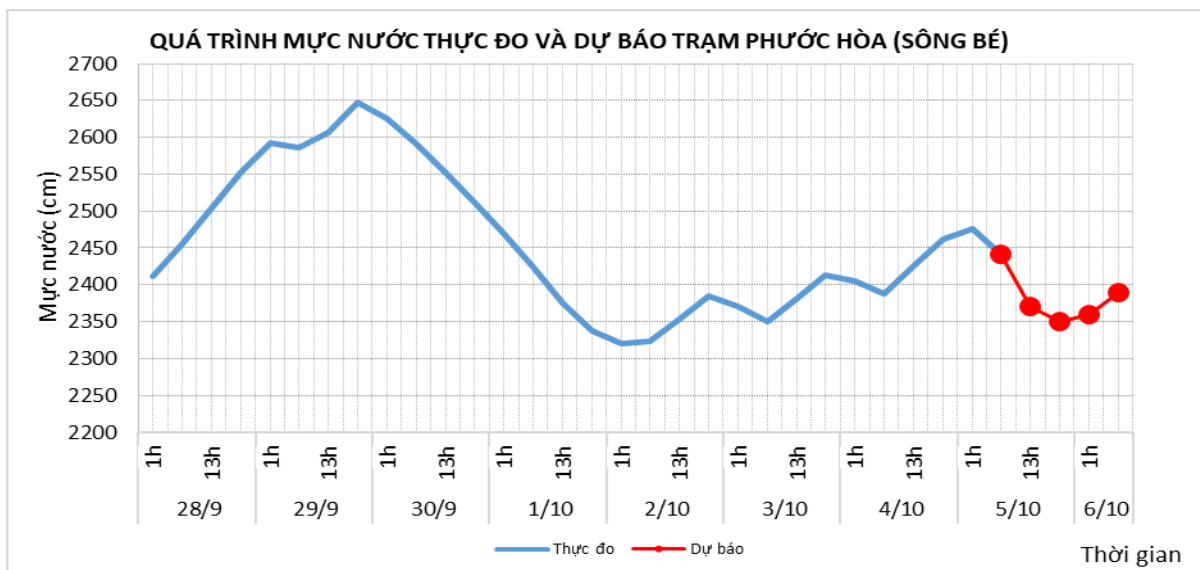
## 5.2. Sông Bé

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa đang dao động theo điều tiết của hồ chứa.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ chứa.



## 6. Lưu vực sông Mê Công

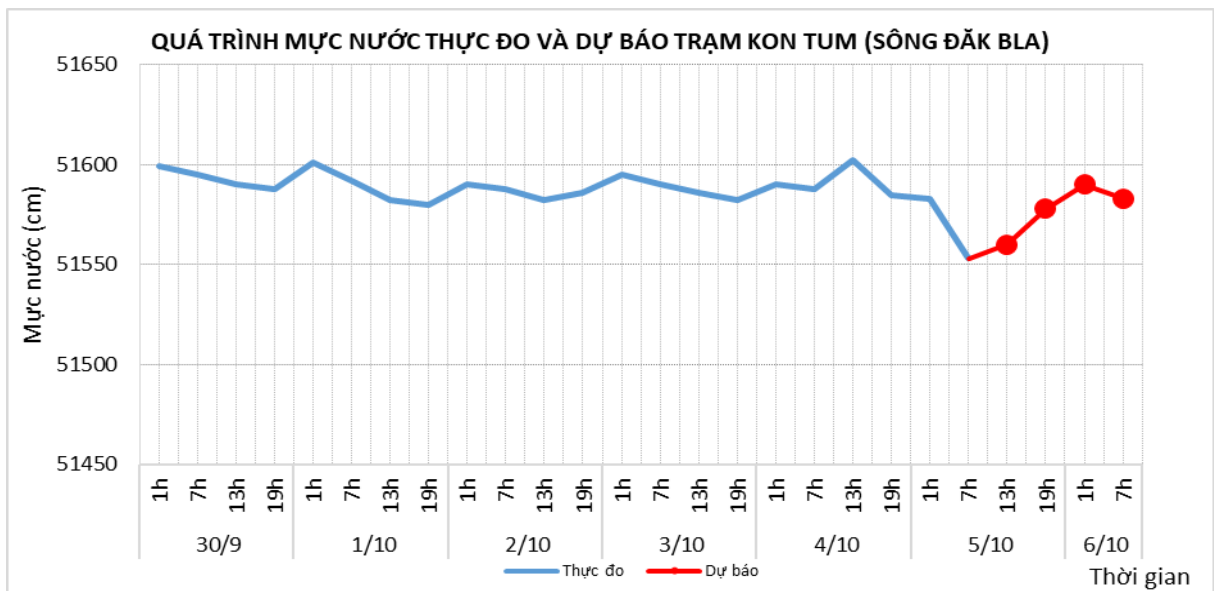
### 6.1. Sông Đắk Bla

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông dao động do ảnh hưởng vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông dao động do ảnh hưởng vận hành của hồ chứa thủy điện và các công trình thủy lợi.



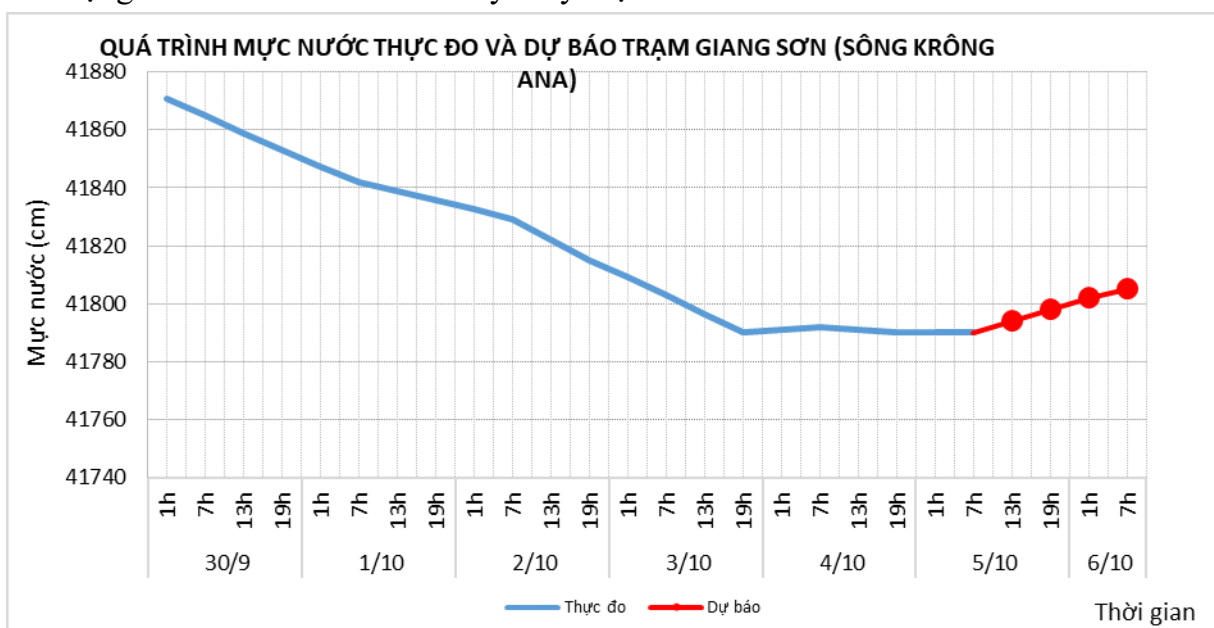
## 6.2. Sông Krông Ana

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm. Mức nước các sông khác dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Krông Ana biến đổi theo xu thế lên chậm. Mức nước các sông khác dao động theo điều tiết của nhà máy thủy điện.



## 6.3. Sông Cửu Long

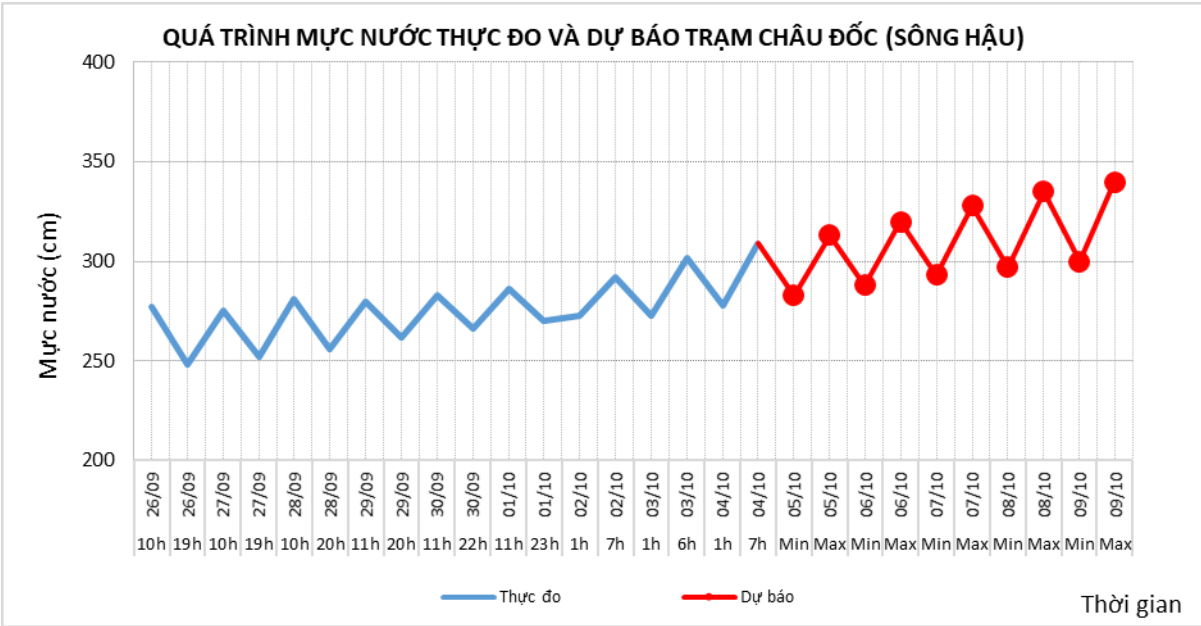
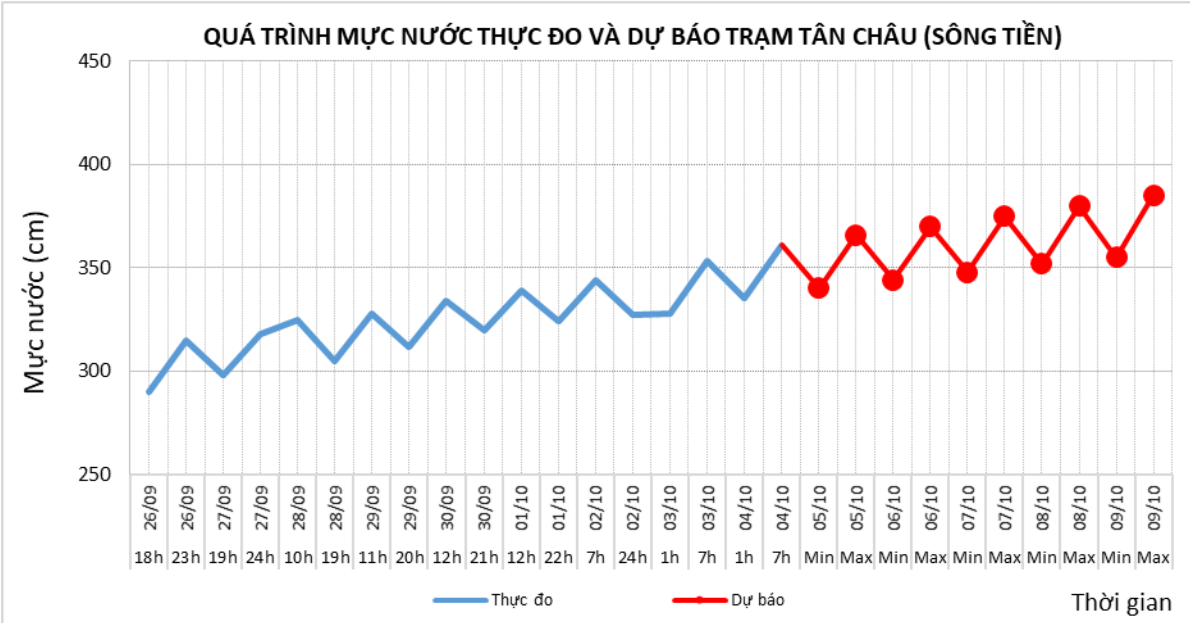
### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long đang lên theo triều. Mức nước cao nhất ngày 04/10 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 3,61m trên báo động (BD) 1 0,11m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 3,09m trên BD1 0,09m.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước đầu nguồn sông Cửu Long tiếp tục lên theo triều. Đến ngày 08/10, mức

nước cao nhất ngày tại trạm Tân Châu lên mức 3,85m dưới mức BĐ2 0,2m, tại trạm Châu Đốc lên mức 3,4m dưới BĐ2 0,1m, các trạm hạ lưu lên BĐ2-BĐ3 có nơi trên BĐ3 từ 0,1-0,3m.



## II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |   |           |   |          |   |          |   |           |   |           |   |          |   |          |   |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|-----------|---|-----------|---|----------|---|----------|---|
|           |                 | 13h-04/10             | 19h-04/10 | 1h-05/10 | 7h-05/10 | 13h-05/10            |   | 19h-05/10 |   | 1h-06/10 |   | 7h-06/10 |   | 13h-06/10 |   | 19h-06/10 |   | 1h-07/10 |   | 7h-07/10 |   |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 5437                  | 6002      | 5888     | 5411     | 3600                 | ↓ | 3800      | ↑ | 4000     | ↑ | 4200     | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Yên Bái         | 2794                  | 2791      | 2790     | 2795     | 2795                 | → | 2800      | ↑ | 2795     | ↓ | 2800     | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Thao      | Phú Thọ         | 1447                  | 1444      | 1440     | 1435     | 1430                 | ↓ | 1425      | ↓ | 1420     | ↓ | 1430     | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Tuyên Quang     | 2080                  | 2039      | 2004     | 1988     | 1970                 | ↓ | 1950      | ↓ | 1925     | ↓ | 1910     | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Lô        | Vụ Quang        | 1558                  | 1521      | 1505     | 1485     | 1465                 | ↓ | 1425      | ↓ | 1460     | ↑ | 1490     | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Hồng      | Hà Nội          | 828                   | 820       | 812      | 796      | 780                  | ↓ | 765       | ↓ | 750      | ↓ | 735      | ↓ | 720       | ↓ | 730       | ↑ | 740      | ↑ | 750      | ↑ |
| Cả        | Nam Đàn         | 588                   | 559       | 526      | 484      | 455                  | ↓ | 425       | ↓ | 395      | ↓ | 355      | ↓ | 325       | ↓ | 300       | ↓ |          |   |          |   |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 502                   | 493       | 529      | 576      | 600                  | ↑ | 595       | ↓ | 592      | ↓ | 590      | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11213                 | 11213     | 11208    | 11204    | 11200                | ↓ | 11205     | ↑ | 11210    | ↑ | 11205    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Bé        | Phước Hòa       | 2426                  | 2462      | 2476     | 2442     | 2370                 | ↓ | 2350      | ↓ | 2360     | ↑ | 2390     | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51602                 | 51585     | 51583    | 51553    | 51560                | ↑ | 51578     | ↑ | 51590    | ↑ | 51583    | ↓ |           |   |           |   |          |   |          |   |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41792                 | 41790     | 41787    | 41790    | 41794                | ↑ | 41798     | ↑ | 41802    | ↑ | 41805    | ↑ |           |   |           |   |          |   |          |   |

Ghi chú: (\*): Q m³/s

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |   |                    |   | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |   |                    |   |
|-----------|-----------------|-----------------------------|---|--------------------|---|----------------------------|---|--------------------|---|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |   | Mực nước thấp nhất |   | Mực nước cao nhất          |   | Mực nước thấp nhất |   |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 560                         | ↓ | 498                | ↓ | 500                        | ↓ | 450                | ↓ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 496                         | ↓ | 446                | ↑ | 460                        | ↓ | 400                | ↓ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 434                         | ↓ | 398                | ↑ | 400                        | ↓ | 360                | ↓ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 475                         | ↓ | 406                | ↓ | 390                        | ↓ | 345                | ↓ |
| Mã        | Giàng (**)      | 304                         | ↓ | 208                | ↓ | 235                        | ↓ | 150                | ↓ |
| La        | Linh Cảm        | 399                         | ↓ | 311                | ↓ | 305                        | ↓ | 235                | ↓ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 80                          | ↓ | -49                | ↓ | 78                         | ↓ | -52                | ↓ |
| Hương     | Kim Long        | 39                          | ↓ | 34                 | → | 34                         | ↓ | 30                 | ↓ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 57                          | ↑ | 15                 | ↑ | 58                         | ↑ | -1                 | ↓ |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 78                          | ↑ | 33                 | ↑ | 75                         | ↓ | 30                 | ↓ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 40                          | ↓ | -49                | ↑ | 45                         | ↑ | -40                | ↑ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mức nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Mức nước thấp ngày |    |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|----|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |    | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          | 04/10                  |   | 05/10  |   | 06/10 |   | 07/10 |   | 08/10 |   | 09/10 |   | 04/10              |    | 05/10  |   | 06/10 |   | 07/10 |   | 08/10 |   | 09/10 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 361                    | 📈 | 366    | 📈 | 370   | 📈 | 375   | 📈 | 380   | 📈 | 385   | 📈 | 335                | ➡️ | 340    | 📈 | 344   | 📈 | 348   | 📈 | 352   | 📈 | 355   | 📈 |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 309                    | 📈 | 313    | 📈 | 320   | 📈 | 328   | 📈 | 335   | 📈 | 340   | 📈 | 278                | 📈  | 283    | 📈 | 288   | 📈 | 293   | 📈 | 297   | 📈 | 300   | 📈 |

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 06/10

Tin phát lúc: 10h30’

Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin



Phùng Tiến Dũng